

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT  
NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 45

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ theo Quyết định số 2500/QĐ-CT.UB ngày 25/07/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND Thành phố Cần Thơ). Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật Doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 14 ngày 06/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và thương mại.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch
Ông Phan Minh Sáng	Thành viên
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên
Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên
Ông Đỗ Thế Cao	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Chu Thanh Quân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/12/2021
Ông Phan Minh Sáng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/12/2021
Ông Phạm Vũ Hà	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/07/2021

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/04/2021
Bà Ninh Thị Phương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/04/2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên	
Bà Trần Thị Minh Phương	Thành viên	

#### **Kế toán trưởng**

Bà Nguyễn Thị Trang

#### **Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Chu Thanh Quân - Tổng Giám đốc (từ ngày 01/12/2021); Ông Phan Minh Sáng (đến ngày 01/12/2021) và Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ sách kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty một cách trung thực và hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán có hiệu lực từ 01/01/2021.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Chu Thanh Quân**  
**Tổng Giám đốc**

Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Số: 03/2022/UHY-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15/02/2022, từ trang 07 đến trang 45 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Phạm Thị Thảo**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2465-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2022

---

**Nguyễn Thị Thu Hà**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2018-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>274.094.534.297</b>	<b>161.194.774.016</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	300.722.279	3.634.000.977
Tiền	111		300.722.279	3.634.000.977
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>220.237.099.621</b>	<b>113.026.457.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	9	44.896.212.121	78.549.957.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9	(4.939.112.500)	(5.323.500.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10	180.280.000.000	39.800.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>38.691.568.270</b>	<b>30.622.859.399</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	40.475.852.133	39.509.718.889
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.305.715.631	6.527.427.506
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	8.376.259.756	4.551.972.254
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(16.466.259.250)	(19.966.259.250)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13</b>	<b>-</b>	<b>3.921.115.581</b>
Hàng tồn kho	141		-	3.921.115.581
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.865.144.127</b>	<b>9.990.341.059</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	4.172.848	2.051.669
Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.860.971.279	7.998.364.325
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	-	1.989.925.065
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.383.948.150.797</b>	<b>1.355.412.261.585</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>75.000.000</b>	<b>75.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	11	75.000.000	75.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>14</b>	<b>2.039.157.692</b>	<b>2.997.877.402</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		2.039.157.692	2.997.877.402
- Nguyên giá	222		18.555.544.263	18.555.544.263
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.516.386.571)	(15.557.666.861)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>71.652.812.923</b>	<b>71.652.812.923</b>
- Nguyên giá	231		77.840.355.709	77.840.355.709
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.187.542.786)	(6.187.542.786)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.610.794.083</b>	<b>8.754.994.083</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	5.610.794.083	8.754.994.083
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>17</b>	<b>1.304.547.052.151</b>	<b>1.271.885.612.082</b>
Đầu tư vào công ty con	251		1.351.428.220.846	1.351.428.220.846
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		23.680.000.000	23.680.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(70.561.168.695)	(103.222.608.764)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>23.333.948</b>	<b>45.965.095</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	23.333.948	45.965.095
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.658.042.685.094</b>	<b>1.516.607.035.601</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>114.111.136.361</b>	<b>11.015.478.945</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>114.111.136.361</b>	<b>11.015.478.945</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	7.410.060.095	4.355.018.095
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		47.067.013	47.067.013
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	2.250.243.422	16.273.251
Phải trả người lao động	314		129.722.467	147.541.320
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.808.219.178	316.560.002
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	193.709.932	185.035.010
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	100.000.000.000	3.675.870.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.272.114.254	2.272.114.254
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.543.931.548.733</b>	<b>1.505.591.556.656</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>1.543.931.548.733</b>	<b>1.505.591.556.656</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.476.480.840.000	1.476.480.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.476.480.840.000	1.476.480.840.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		37.132.054.106	37.132.054.106
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.350.353.698	2.350.353.698
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		127.728.500	127.728.500
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.840.572.429	(10.499.419.648)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(10.499.419.648)	(16.563.859.419)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.339.992.077	6.064.439.771
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.658.042.685.094</b>	<b>1.516.607.035.601</b>



**Chu Thanh Quân**  
Tổng Giám đốc  
Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2022

**Nguyễn Thị Trang**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thanh Tâm**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	131.946.238.850	169.250.140.026
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		131.946.238.850	169.250.140.026
Giá vốn hàng bán	11	25	125.212.671.731	155.725.341.963
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.733.567.119	13.524.798.063
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	15.900.087.817	4.996.433.271
Chi phí tài chính	22	27	(21.150.209.512)	3.407.229.020
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.878.804.637	644.657.080
Chi phí bán hàng	25	28	1.436.563.348	5.609.147.699
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	440.001.797	3.467.011.260
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.907.299.303	6.037.843.355
Thu nhập khác	31		11.404.661	51.650.292
Chi phí khác	32		2.266.786	17.463.877
Lợi nhuận khác	40		9.137.875	34.186.415
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.916.437.178	6.072.029.770
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	3.576.445.101	7.589.999
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.339.992.077	6.064.439.771



**Chu Thanh Quân**  
Tổng Giám đốc  
Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2022

**Nguyễn Thị Trang**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thanh Tâm**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01		41.916.437.178	6.072.029.770
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		958.719.710	974.653.383
Các khoản trích lập dự phòng	03		(36.545.827.569)	2.671.063.985
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		93.899.472	(162.952.465)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(5.990.512.645)	(4.257.324.815)
Chi phí lãi vay	06		1.878.804.637	644.657.080
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		2.311.520.783	5.942.126.938
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09		(5.679.032.669)	19.438.499.776
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10		3.921.115.581	736.023.163
Tăng/Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.374.426.710	950.446.622
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12		20.509.968	35.970.806
Tăng chứng khoán kinh doanh	13		33.653.744.879	(23.100.000.000)
Tiền lãi vay đã trả	14		(72.801.052)	(658.700.890)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(337.241.080)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		35.529.484.200	3.007.125.335
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.144.200.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(231.594.000.000)	(142.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		91.114.000.000	157.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(23.740.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.145.284.223	6.401.542.615
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(135.190.515.777)	7.761.542.615
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		100.000.000.000	97.885.207.866
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.675.870.000)	(105.080.545.360)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		96.324.130.000	(7.195.337.494)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		(3.336.901.577)	3.573.330.456
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	5	3.634.000.977	64.460.043
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		3.622.879	(3.789.522)
<b>Tiền và tương đương tiền kỳ này</b>	70	5	300.722.279	3.634.000.977



**Chu Thanh Quân**  
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2022

**Nguyễn Thị Trang**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thanh Tâm**  
Người lập biểu

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời khỏi Báo cáo tài chính riêng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ theo Quyết định số 2500/QĐ-CT.UB ngày 25/07/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND Thành phố Cần Thơ).

Hiện nay, Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật Doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 14 ngày 06/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 1.476.480.840.000 đồng (Một ngàn, bốn trăm bảy mươi sáu tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn) chia thành 147.648.084 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ đã niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là TSC.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

**1.2 LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán buôn gạo, thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Kinh doanh Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh chế biến và bảo quản rau quả;
- Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Bán buôn thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Bán buôn thực phẩm khác (trừ thịt động vật thuộc danh mục cấm);
- Bán buôn đồ uống;
- Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày: khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự;
- Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...), dịch vụ phục vụ đồ uống và các dịch vụ ăn uống khác;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2 LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)**

- Kinh doanh hoạt động xử lý hạt giống để nhân giống: Các hoạt động lựa chọn những hạt giống đủ chất lượng thông qua việc loại bỏ những hạt không đủ chất lượng bằng cách sàng lọc, chọn một cách kỹ lưỡng để loại bỏ những hạt bị sâu, những hạt giống còn non, chưa khô để bảo quản trong kho – những hoạt động này bao gồm phơi khô, làm sạch, phân loại và bảo quản cho đến khi chúng được bán trên thị trường;
- Kinh doanh hoạt động xay xát và sản xuất bột thô;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ bột.

**Hoạt động kinh doanh chính trong năm**

- Bán nông sản như gạo, tinh bột sản...;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng

**1.3 CHU KỲ KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

**Các công ty con, Công ty liên doanh, liên kết**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
<b>Công ty con cấp 1</b>					
1	Công ty cổ phần chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	TP Cần Thơ	95,87%	95,87%	Chế biến nông sản
2	Công ty Cổ phần hạt giống TSC	TP Cần Thơ	98,33%	99,74%	Kinh doanh hạt giống
3	Công ty cổ phần giống cây trồng Nông Tín	TP Hồ Chí Minh	77,67%	77,67%	Sản xuất, kinh doanh hạt giống
4	Công ty cổ phần FIT Consumer	TP Hồ Chí Minh	81,52%	81,72%	Kinh doanh hàng tiêu dùng
<b>Công ty con cấp 2</b>					
5	Công ty CP Westfood Hậu Giang	Hậu Giang	94,72%	98,00%	Chế biến nông sản
6	Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa	Khánh Hòa	64,28%	78,85%	Sản xuất đồ uống không cồn và kinh doanh dịch vụ thương mại
<b>Công ty liên kết</b>					
7	Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Hồ Chí Minh	39,94%	49,00%	Nhập khẩu và phân phối hàng tiêu dùng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc**

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại thành phố Hồ Chí Minh - số 785, Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, quận 7, TP Hồ Chí Minh - Mã số thuế 1800518314-001;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại Hà Nội – Tầng 5, tòa Times Tower - HACC 1 Complex Building, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam – Mã số thuế 1800518314-002.

Các Chi nhánh này hiện nay không hoạt động.

**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

**1.6 NHÂN VIÊN**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 5 người (tại ngày 31/12/2020 là 5 người).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi bổ sung Thông tư 200 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**4.2 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

**4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào việc đánh giá mức tổn thất để lập dự phòng.

**4.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản cố định</b>	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 22
Máy móc, thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	15

**4.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 - 47 năm.

Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận là bất động sản đầu tư và bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Bất động sản đầu tư được ngừng ghi nhận trên bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Đầu tư vào Công ty con*

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một quy chế hay một thoả thuận;
- Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng Quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

*Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh*

Công ty liên doanh: Là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết: Là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**4.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trả trước.

***Chi phí thuê nhà, thuê xe và chi phí bảo hiểm***

Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước.

**4.11 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4.12 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.12 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Là cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu sau thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp Công ty ghi tăng vốn Nhà nước và tăng giá trị khoản đầu tư theo mệnh giá.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**4.13 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.14 THUẾ**

Thuế giá trị gia tăng (GTGT) đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 20%. Thuế Thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Năm 2021, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của Dịch Covid - 19 ngày 19/10/2021.

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên Kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.15 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**4.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận được Báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính riêng mà trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	8.439.526	9.821.588
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	292.282.753	3.624.179.389
	<b>300.722.279</b>	<b>3.634.000.977</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>40.475.852.133</b>	<b>39.509.718.889</b>
- Sumstar Group Corp	-	15.322.128.900
- China Sdic International Trade CO., LTD	-	5.744.676.600
- Maxwell (Asia) Pte Ltd	3.508.884.959	3.508.884.959
- DNTN Trung Đông	3.520.000.000	3.520.000.000
- Công ty HH XNK Phúc Thuận Bằng Tường - Quảng Tây	-	4.995.148.200
- NANNING HAI SHENGDA TRADING CO., LTD	1.449.775.095	1.547.081.033
- Hợp tác xã chuyên nghiệp nông nghiệp Quảng Thuận TP Bằng Tường	2.317.117.386	287.018
- Công ty CP SX-DV-TM Hoàng Gia Việt	336.111.310	3.836.111.310
- Công ty CP chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	-	156.404.600
- Công ty Hữu Hạn Mậu Dịch XNK Thiên Thiên Malipo	3.139.601.864	-
- Công ty TNHH Tài Nguyên Đông Á	707.795.000	-
- Thạch Thị Hương Giang	25.200.000.000	-
- Phải thu đối tượng khác	296.566.519	878.996.269
	<b>40.475.852.133</b>	<b>39.509.718.889</b>
<b>Trong đó: các khoản Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>156.404.600</b>
Công ty CP chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	-	156.404.600



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.305.715.631</b>	<b>6.527.427.506</b>
- DNTN Hồng Phượng	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công Ty TNHH Hoàng Loan	1.777.799.211	1.777.799.211
- Công ty TNHH MTV Nông sản Tân Thái Phong	2.640.025.020	2.640.025.020
- Các khoản trả trước khác	887.891.400	1.109.603.275
	<b>6.305.715.631</b>	<b>6.527.427.506</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.172.848</b>	<b>2.051.669</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	994.002	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.178.846	2.051.669
<b>Dài hạn</b>	<b>23.333.948</b>	<b>45.965.095</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.549.954	12.949.998
- Chi phí trả trước dài hạn khác	17.783.994	33.015.097
	<b>27.506.796</b>	<b>48.016.764</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THO**  
 ID Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**9. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý(*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
<b>Tổng giá trị Cổ phiếu</b>				
Đầu tư chứng khoán chưa niêm yết	38.771.212.121		72.424.957.000	
Đầu tư vào chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM	6.125.000.000	1.185.887.500	(4.939.112.500)	801.500.000
<b>Cộng</b>	<b>44.896.212.121</b>		<b>(4.939.112.500)</b>	<b>(5.323.500.000)</b>

**(\*) Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán được xác định như sau:**

- Đối với các khoản chứng khoán chưa niêm yết: Do không thu thập được giá giao dịch trên thị trường tại ngày 31/12/2021 và không có cơ sở xem xét trích lập dự phòng giảm giá (nếu có). Do đó, Công ty đang trình bày theo giá gốc các khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết này trên báo cáo tài chính riêng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM), giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liên kế gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THO**  
1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**10. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi số VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>180.280.000.000</b>	<b>180.280.000.000</b>	-	<b>39.800.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
- Các khoản đầu tư khác (2)	178.280.000.000	178.280.000.000	-	37.800.000.000
<i>Công ty CP Today Cosmetics</i>	<i>25.410.000.000</i>	<i>25.410.000.000</i>	-	<i>2.700.000.000</i>
<i>Công ty Cổ Phần FIT Cosmetics</i>	<i>35.090.000.000</i>	<i>35.090.000.000</i>	-	<i>2.000.000.000</i>
<i>Công ty CP đầu tư Bất Động Sản F.I.T</i>	<i>64.780.000.000</i>	<i>64.780.000.000</i>	-	<i>33.100.000.000</i>
<i>Công ty CP đầu tư và thương mại Phố Hiến Việt Nam</i>	<i>53.000.000.000</i>	<i>53.000.000.000</i>	-	-
	<b>180.280.000.000</b>	<b>180.280.000.000</b>	-	<b>39.800.000.000</b>

Ghi chú:

- Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng BIDV- CN Thanh Xuân theo Hợp đồng số 435.2020/HDTG.TX ngày 29/07/2020, lãi suất 4,9%/năm, kỳ hạn 12 tháng và đã được gia hạn từ 29/07/2021 đến 29/07/2022. Giá trị tiền gửi là 2.000.000.000 đồng.
- Số dư các khoản đầu tư ngắn hạn vào các tổ chức tại 31/12/2021 bao gồm Các hợp đồng hợp tác đầu tư với thời hạn hợp tác từ 6 tháng đến 12 tháng. Mục đích hợp tác là đầu tư nhằm đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất thông qua việc hợp tác đầu tư trong lĩnh vực tài chính. Công ty được hưởng lãi suất cố định từ 6,0%/năm đến 8,5%/năm không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh. Cụ thể như sau:
  - Các khoản hợp tác giữa Công ty với Công ty CP Today Cosmetics theo các Hợp đồng hợp tác đầu tư thời hạn 12 tháng, theo đó TSC sẽ nhận được lợi nhuận theo tỷ lệ 7,5 – 8,5%/365 ngày mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đối tác.
  - Các khoản hợp tác giữa Công ty với Công ty CP FIT Cosmetics, thời hạn hợp tác đầu tư 12 tháng, theo đó Công ty sẽ được hưởng lợi nhuận cố định theo tỷ lệ 7,5-8,0%/365 ngày mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đối tác.
  - Các khoản hợp tác đầu tư của Công ty với Công ty CP Đầu tư Bất động sản F.I.T, thời hạn hợp tác đầu tư 06 tháng, mục đích đầu tư nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất, theo đó Công ty sẽ được hưởng lợi nhuận cố định theo tỷ lệ 6,0 – 6,5%/365 ngày mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đối tác.
  - Các khoản hợp tác đầu tư của Công ty với Công ty CP Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam, thời hạn hợp tác đầu tư 06 tháng, mục đích đầu tư nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất, theo đó Công ty sẽ được hưởng lợi nhuận cố định theo tỷ lệ 6,0 – 6,5%/365 ngày mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đối tác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ**  
 ID Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**11. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.376.259.756</b>	<b>(3.500.000.000)</b>	<b>4.551.972.254</b>	<b>(3.500.000.000)</b>
- Phải thu lãi tiền gửi	41.884.933	-	47.013.700	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	41.884.933	-	47.013.700	-
- Phải thu lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	4.824.644.863	-	974.287.674	-
- Công ty CP Today Cosmetics	1.123.225.075	-	335.132.881	-
- Công ty CP Đầu tư Bất Động Sản F.I.T	1.318.193.760	-	622.058.903	-
- Công ty Cổ Phần FIT Cosmetics	1.535.397.261	-	17.095.890	-
- Công ty CP đầu tư và thương mại Phố Hiến Việt Nam	847.828.767	-	-	-
- Tạm ứng	-	-	22.703.317	-
- Bảo hiểm nộp thừa	1.174.653	-	-	-
- Ông Đỗ Văn Tâm	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
- Phải thu khác	8.555.307	-	7.967.563	-
<b>Dài hạn</b>	<b>75.000.000</b>	<b>-</b>	<b>75.000.000</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	75.000.000	-	75.000.000	-
	<b>8.451.259.756</b>	<b>(3.500.000.000)</b>	<b>4.626.972.254</b>	<b>(3.500.000.000)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ**  
 ID Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Khoản mục	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thẻ thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>1. Phải thu của khách hàng</b>	<b>7.660.543.619</b>	<b>(7.660.543.619)</b>	-	<b>11.160.543.619</b>
- DN TN Trung Đông	3.520.000.000	(3.520.000.000)	-	(3.520.000.000)
- Maxwill ( Asia) Pte Ltd	3.508.884.959	(3.508.884.959)	-	(3.508.884.959)
- Công ty CP SX-DV-TM Hoàng Gia Việt	336.111.310	(336.111.310)	-	(3.836.111.310)
- Khách hàng khác	295.547.350	(295.547.350)	-	(295.547.350)
<b>2. Trả trước cho người bán</b>	<b>5.305.715.631</b>	<b>(5.305.715.631)</b>	-	<b>(5.305.715.631)</b>
- Công Ty TNHH Hoàng Loan	1.777.799.211	(1.777.799.211)	-	(1.777.799.211)
- Công ty TNHH MTV Nông sản Tân Thái Phong	2.640.025.020	(2.640.025.020)	-	(2.640.025.020)
- Ông Hoàng Hải	793.576.400	(793.576.400)	-	(793.576.400)
- Khách hàng khác	94.315.000	(94.315.000)	-	(94.315.000)
<b>3. Phải thu khác</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>(3.500.000.000)</b>	-	<b>(3.500.000.000)</b>
- Ông Đỗ Văn Tâm	3.500.000.000	(3.500.000.000)	-	(3.500.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.466.259.250</b>	<b>(16.466.259.250)</b>	-	<b>(19.966.259.250)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**13. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng hóa	-	-	3.921.115.581	-
	-	-	<b>3.921.115.581</b>	-

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2021	17.589.337.740	966.206.523	18.555.544.263
31/12/2021	17.589.337.740	966.206.523	18.555.544.263
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
01/01/2021	14.600.601.209	957.065.652	15.557.666.861
- Khấu hao trong kỳ	949.578.839	9.140.871	958.719.710
31/12/2021	15.550.180.048	966.206.523	16.516.386.571
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2021	2.988.736.531	9.140.871	2.997.877.402
31/12/2021	2.039.157.692	-	2.039.157.692

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là: 3.293.278.952 đồng (Tại ngày 01/01/2021 là 3.253.391.452 đồng).

Nguyên giá và Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2021 là 12.919.065.311 đồng và 1.747.559.473 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 12.919.065.311 đồng và 2.551.339.201 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>	<b>77.840.355.709</b>	<b>77.840.355.709</b>
Nhà kho Cái Sơn Hàng Bàng (Kho 2)	6.187.542.786	6.187.542.786
Đất Cái Sơn - Hàng Bàng - P.An Bình (1.614,2 m <sup>2</sup> )	1.389.654.116	1.389.654.116
Đất nông nghiệp mua để xây dựng - P.An Bình (3.841,5 m <sup>2</sup> )	5.863.335.957	5.863.335.957
Đất trồng lúa ở Hậu Giang - 11 miếng (54.514m <sup>2</sup> )	2.850.822.850	2.850.822.850
Đất trồng cây lâu năm phường Long Hòa, Bình Thủy, Cần Thơ 3.691,90m <sup>2</sup>	36.919.000.000	36.919.000.000
Đất trồng lúa tại Phường Long Hòa, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ 2.438,7m <sup>2</sup>	24.630.000.000	24.630.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>(6.187.542.786)</b>	<b>(6.187.542.786)</b>
Nhà kho Cái Sơn Hàng Bàng (Kho 2)	(6.187.542.786)	(6.187.542.786)
Đất Cái Sơn - Hàng Bàng - P.An Bình (1.614,2 m <sup>2</sup> )	-	-
Đất nông nghiệp mua để xây dựng - P.An Bình (3.841,5 m <sup>2</sup> )	-	-
Đất trồng lúa ở Hậu Giang - 11 miếng (54.514m <sup>2</sup> )	-	-
Đất trồng cây lâu năm phường Long Hòa, Bình Thủy, Cần Thơ 3.691,90m <sup>2</sup>	-	-
Đất trồng lúa tại Phường Long Hòa, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ 2.438,7m <sup>2</sup>	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>71.652.812.923</b>	<b>71.652.812.923</b>
Nhà kho Cái Sơn Hàng Bàng (Kho 2)	-	-
Đất Cái Sơn - Hàng Bàng - P.An Bình (1.614,2 m <sup>2</sup> )	1.389.654.116	1.389.654.116
Đất nông nghiệp mua để xây dựng - P.An Bình (3.841,5 m <sup>2</sup> )	5.863.335.957	5.863.335.957
Đất trồng lúa ở Hậu Giang - 11 miếng (54.514m <sup>2</sup> )	2.850.822.850	2.850.822.850
Đất trồng cây lâu năm phường Long Hòa, Bình Thủy, Cần Thơ 3.691,90m <sup>2</sup>	36.919.000.000	36.919.000.000
Đất trồng lúa tại Phường Long Hòa, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ 2.438,7m <sup>2</sup>	24.630.000.000	24.630.000.000

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2021 nên chưa được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Mua đất chưa hoàn thành thủ tục sang tên	5.610.794.083	5.610.794.083	8.754.994.083	8.754.994.083
	<u>5.610.794.083</u>	<u>5.610.794.083</u>	<u>8.754.994.083</u>	<u>8.754.994.083</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn là giá trị Công ty bỏ ra để có được quyền sở hữu và sử dụng lô đất tại phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đã phát sinh năm 2009 đến năm 2012. Công ty vẫn đang tiếp tục xử lý để hoàn tất thủ tục sang tên quyền sử dụng đất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THO**  
 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021			
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		<b>1.351.428.220.846</b>	<b>(70.561.168.695)</b>		<b>1.351.428.220.846</b>	<b>(103.222.608.764)</b>
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	28.996.512	298.311.220.846	-	28.996.512	298.311.220.846	-
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	10.950.000	109.500.000.000	(4.224.871.789)	10.950.000	109.500.000.000	(5.678.736.328)
Công ty Cổ phần FIT Consumer	90.350.000	903.500.000.000	(47.023.220.308)	90.350.000	903.500.000.000	(78.281.712.882)
Công ty Cổ phần Cây trồng Nông Tín	2.330.000	40.117.000.000	(19.313.076.598)	2.330.000	40.117.000.000	(19.262.159.554)
<b>Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>		<b>23.680.000.000</b>	<b>-</b>		<b>23.680.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trồng Đồng	2.368.000	23.680.000.000	-	2.368.000	23.680.000.000	-
		<b>1.375.108.220.846</b>	<b>(70.561.168.695)</b>		<b>1.375.108.220.846</b>	<b>(103.222.608.764)</b>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa được xác định do chưa đủ các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

**Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con:**

Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doang nghiệp số 5703000045, ngày 18/06/2003 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 30/07/2021) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp. Ngành nghề kinh doanh: chế biến và bảo quản rau quả, thu mua và chế biến nông sản, thực phẩm xuất khẩu, nhập khẩu bao bì phục vụ cho đóng gói thành phẩm, kinh doanh vật tư nông nghiệp. Trong năm Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây đang mở rộng sản xuất với dự án trồng khóm ở Hậu Giang. Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán, Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây có lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là 18.327.345.513 VND, Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021 là 435.838.128.485 VND (Vốn góp của chủ sở hữu là 302.467.400.000 VND), lãi lũy kế đến ngày 31/12/2021 là 127.942.067.380 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**  
ID Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

*Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con (tiếp)*

Công ty Cổ phần Hạt giống TSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 180136391 đăng ký lần đầu ngày 08/10/2014 và thay đổi lần thứ 1 ngày 05/03/2015, thay đổi lần 2 ngày 19/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp. Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán, Công ty Cổ phần Hạt Giống TSC có lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là 2.522.687.330 VND. Vốn chủ sở hữu ngày 31/12/2021 là 182.669.172.238 VND (Vốn góp của chủ sở hữu là 190.000.000.000 VND), lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2021 là 7.330.827.762 VND.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín được thành lập mới theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3901167137 ngày 12/07/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, và giấy phép điều chỉnh lần thứ 09 ngày 22/03/2021. Hoạt động chính: kinh doanh hạt giống. Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín có Lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là 65.558.426 VND. Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021 là 5.133.377.770 VND (Vốn góp của chủ sở hữu là 30.000.000.000 VND), lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2021 là 24.866.622.230 VND.

Công ty Cổ phần FIT Consumer là hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp 0313522734 ngày 06/11/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Ngành nghề kinh doanh: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán, Công ty có Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là 44.976.248.307 VND. Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021 là 1.232.340.690.203 VND (Vốn góp của chủ sở hữu là 1.300.000.000.000 VND), lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2021 là 67.659.309.797 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÁN THO**  
 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.410.060.095</b>	<b>7.410.060.095</b>	<b>4.355.018.095</b>	<b>4.355.018.095</b>
- Lao TTL Agriculture And Industrial Development Sole Co., Ltd	7.205.996.000	7.205.996.000	4.132.458.000	4.132.458.000
- Công ty TNHH Chế biến NLS Xuất khẩu Như Xuân	106.828.395	106.828.395	106.828.395	106.828.395
- Các đối tượng khác	97.235.700	97.235.700	115.731.700	115.731.700
	<b>7.410.060.095</b>	<b>7.410.060.095</b>	<b>4.355.018.095</b>	<b>4.355.018.095</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

**Thuế và các khoản phải nộp**

- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
- Thuế thu nhập cá nhân				
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất				
- Các loại thuế khác				
	-	11.368.041.275	11.368.041.275	-
	2.240.625.636	2.240.625.636	-	-
	9.617.786	87.367.510	94.022.975	16.273.251
	-	413.727.044	413.727.044	-
	-	5.000.000	5.000.000	-
	<b>2.250.243.422</b>	<b>14.114.761.465</b>	<b>11.880.791.294</b>	<b>16.273.251</b>

**Thuế và các khoản phải thu**

- Thuế GTGT hàng nhập khẩu				
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh				
	-	-	654.105.600	654.105.600
	-	-	1.335.819.465	1.335.819.465
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.989.925.065</b>	<b>1.989.925.065</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THO**  
 ID Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>3.675.870.000</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cần Thơ	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu Tư và Thương Mại Trống Đồng (*)	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-
	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>3.675.870.000</b>
				<b>3.675.870.000</b>

(\*) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng theo hợp đồng vay số 01-13/092021HTDT/TD-TSC ngày 13/09/2021, tổng số tiền vay là 100.000.000.000 VNĐ với mục đích để mua bán, đầu tư trên thị trường nông sản, thực phẩm chế biến xuất khẩu. Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cho vay (từ 13/09/2021 đến 13/03/2022) với lãi suất 6%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÁN THO**  
 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2020	1.476.480.840.000	37.132.054.106	37.132.054.106	2.350.353.698	127.728.500	(16.563.859.419)	1.499.527.116.885	-	6.064.439.771			
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-			6.064.439.771
<b>31/12/2020</b>	<b>1.476.480.840.000</b>	<b>37.132.054.106</b>	<b>37.132.054.106</b>	<b>2.350.353.698</b>	<b>127.728.500</b>	<b>(10.499.419.648)</b>	<b>1.505.591.556.656</b>					
01/01/2021	1.476.480.840.000	37.132.054.106	37.132.054.106	2.350.353.698	127.728.500	(10.499.419.648)	1.505.591.556.656	-	38.339.992.077			
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-			38.339.992.077
<b>31/12/2021</b>	<b>1.476.480.840.000</b>	<b>37.132.054.106</b>	<b>37.132.054.106</b>	<b>2.350.353.698</b>	<b>127.728.500</b>	<b>27.840.572.429</b>	<b>1.543.931.548.733</b>					

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty họp và đã ban hành nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐQT ngày 27/10/2021 về việc thông qua một số nội dung trong việc triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu năm 2021. Theo đó, Công ty quyết định phát hành bổ sung 49.216.028 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, giá trị phát hành theo mệnh giá 492.160.280.000 đồng. Thời gian phát hành dự kiến: trong năm 2021 (sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận). Vốn điều lệ sau phát hành: 1.968.641.120.000 đồng. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu. Phương thức phát hành: Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua với tỷ lệ phát hành 3:1. Phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán, sau khi trừ đi các khoản chi phí phục vụ phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty và tăng vốn cho các công ty thành viên. Tuy nhiên, đến hiện tại việc phát hành bổ sung cổ phiếu nêu trên vẫn đang trong thời gian chờ Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	606.429.230.000	41,07%	837.005.230.000	56,69%
Cổ đông khác	870.051.610.000	58,93%	639.475.610.000	43,31%
	<b>1.476.480.840.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.476.480.840.000</b>	<b>100%</b>

(\*) Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T đã thực hiện bán 23.100.000 cổ phiếu theo phương thức giao dịch khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán.

**21.3 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	31/12/2021	01/01/2021
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	147.648.084	147.648.084
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	147.648.084	147.648.084
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	147.648.084	147.648.084
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	147.648.084	147.648.084
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	147.648.084	147.648.084
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>193.709.932</b>	<b>185.035.010</b>
- Kinh phí công đoàn	49.689.805	41.602.627
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	144.020.127	143.432.383
	<b>193.709.932</b>	<b>185.035.010</b>

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

	31/12/2021	01/01/2021
	<b>Ngoại tệ các loại</b>	
- Đô la Mỹ (USD)	296,75	62.304,37
- EUR	182,55	193,47

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	131.414.238.850	168.397.024.026
Doanh thu cho thuê Bất động sản	532.000.000	853.116.000
	<b>131.946.238.850</b>	<b>169.250.140.026</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	125.212.671.731	155.725.341.963
	<b>125.212.671.731</b>	<b>155.725.341.963</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	106.944.153	1.280.874.008
Cổ tức lợi nhuận được chia	70.000.000	87.500.000
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	8.421.212.121	-
Lãi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	162.952.465
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	1.488.363.051	576.155.991
Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác đầu tư	5.813.568.492	2.888.950.807
	<b>15.900.087.817</b>	<b>4.996.433.271</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	1.878.804.637	644.657.080
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng tổn thất chứng khoán kinh doanh và đầu tư vào đơn vị khác	(33.045.827.569)	2.671.063.985
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	9.826.457.000	-
Lỗ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	93.899.472	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	96.456.948	91.507.955
	<b>(21.150.209.512)</b>	<b>3.407.229.020</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	297.040.800	329.760.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.140.870	9.971.880
Chi phí dụng cụ đồ dùng	17.420.356	2.196.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	772.008.291	4.833.683.408
Các khoản chi phí khác	340.953.031	433.535.436
	<b>1.436.563.348</b>	<b>5.609.147.699</b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.254.266.505	1.298.574.501
Chi phí khấu hao tài sản cố định	949.578.840	964.681.503
Dự phòng (Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(3.500.000.000)	-
Thuế, phí, lệ phí	465.671.848	427.659.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.128.065.313	663.551.466
Các khoản chi phí khác	142.419.291	112.544.401
	<b>440.001.797</b>	<b>3.467.011.260</b>

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	1.551.307.305	1.628.334.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	958.719.710	974.653.383
Dự phòng (Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(3.500.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.917.493.960	5.499.431.449
Các khoản chi phí khác	949.044.170	973.739.226
	<b>1.876.565.145</b>	<b>9.076.158.959</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>41.916.437.178</b>	<b>6.072.029.770</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
<b>Trừ:</b>	<b>(3.570.000.000)</b>	<b>(238.583.045)</b>
- Thu thập không chịu thuế	(3.570.000.000)	(87.500.000)
- Lãi tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	-	(151.083.045)
<b>Cộng:</b>	<b>306.374.238</b>	<b>165.406.257</b>
- Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	79.247.452	-
- Chi phí không được trừ	227.126.786	165.406.257
<b>Chuyển lỗ</b>	<b>13.106.774.983</b>	<b>5.998.852.982</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>25.546.036.433</b>	<b>-</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN trước khi được giảm 30%</b>	<b>5.109.207.287</b>	<b>-</b>
<b>Giảm 30% theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP</b>	<b>1.532.762.186</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập của hoạt động chuyển nhượng bất động sản năm 2019</b>	<b>-</b>	<b>7.589.999</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.576.445.101</b>	<b>7.589.999</b>

Một số khoản lỗ phát sinh từ năm 2017, 2019 và được chuyển vào lợi nhuận các kỳ sau theo lịch biểu như sau:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ	Số lỗ đã chuyển đến 31/12/2021	Số còn được chuyển
2017	2018 – 2022	12.585.066.150	(12.585.066.150)	-
2019	2020-2024	6.520.561.815	(6.520.561.815)	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**32.1 THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN**

**a) Các bên liên quan**

<b>STT</b>	<b>Tên Công ty</b>	<b>Mối quan hệ</b>
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
2	Công ty cổ phần chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	Công ty con cấp 1
3	Công ty cổ phần giống cây trồng Nông Tín	Công ty con cấp 1
4	Công ty cổ phần hạt giống TSC	Công ty con cấp 1
5	Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Công ty con cấp 2
6	Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Cùng chung công ty mẹ
7	Công ty cổ phần nước khoáng Khánh Hòa	Công ty con cấp 2
8	Công ty cổ phần FIT Cosmetics	Công ty liên kết
9	Công ty cổ phần đầu tư Dũng Tâm	Công ty có liên quan tới thành viên HĐQT
10	Công ty cổ phần thuốc Ung thư Benovas	Công ty có liên quan tới thành viên HĐQT
11	Công ty cổ phần Today Cosmetics	Công ty có liên quan tới thành viên HĐQT
12	Công ty cổ phần dược phẩm Benovas	Công ty có liên quan tới thành viên BKS
13	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Cùng chung công ty mẹ
14	Công ty cổ phần đầu tư Bất động sản F.I.T	Cùng chung công ty mẹ
15	Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Có ảnh hưởng đáng kể

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.1 THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**b) Giao dịch với bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>1. Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T</b> - Chi phí thuê văn phòng, gửi xe, điện - Chi phí tư vấn	<b>Công ty mẹ</b>	311.702.138 669.679.060	314.851.096 -
<b>2. Công ty CP Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây</b> - Doanh thu cho thuê tài sản - Nhận chuyển nhượng cổ phần - Chuyển nhượng cổ phần	<b>Công ty con cấp 1</b>	492.000.000 - -	853.116.000 21.602.000.000 10.500.000.000
<b>3. Công ty Cổ phần Hạt giống TSC</b> - Lợi nhuận hợp tác đầu tư	<b>Công ty con cấp 1</b>	65.928.082	-
<b>4. Công ty Cổ phần FIT Consumer</b> - Lợi nhuận hợp tác đầu tư	<b>Công ty con cấp 1</b>	827.198.015	-
<b>5. Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa</b> - Mua hàng - Doanh thu cho thuê tài sản	<b>Công ty con cấp 2</b>	- 40.000.000	319.968 -
<b>6. Công ty Cổ phần FIT Cosmetics</b> - Mua hàng - Lợi nhuận hợp tác đầu tư	<b>Công ty liên kết</b>	3.490.920 1.518.301.371	6.603.784 17.095.890
<b>7. Công ty Cổ phần Today Cosmetics</b> - Lợi nhuận hợp tác đầu tư	<b>Công ty có liên quan tới thành viên HĐQT</b>	788.092.194	230.128.770
<b>8. Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản F.I.T</b> - Lợi nhuận Hợp tác đầu tư	<b>Cùng công ty mẹ</b>	1.766.220.063	622.058.903

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.1 THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**c) Số dư với bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>1. Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây</b>	<b>Công ty con</b>		
- Phải thu khách hàng		-	156.404.600
<b>2. Công ty Cổ phần Today Cosmetics</b>	<b>Công ty có liên quan tới thành viên HĐQT</b>		
- Phải thu gốc khoản hợp tác đầu tư		25.410.000.000	2.700.000.000
- Phải thu lãi khoản hợp tác đầu tư		1.123.225.075	335.132.881
<b>3. Công ty Cổ phần FIT Cosmetics</b>	<b>Công ty liên kết</b>		
- Phải thu gốc khoản hợp tác đầu tư		35.090.000.000	2.000.000.000
- Phải thu lãi khoản hợp tác đầu tư		1.535.397.261	17.095.890
<b>4. Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản F.I.T</b>	<b>Cùng công ty mẹ</b>		
- Phải thu gốc khoản hợp tác đầu tư		64.780.000.000	33.100.000.000
- Phải thu lãi khoản hợp tác đầu tư		1.318.193.760	622.058.903

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.1 THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**d) Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>- Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát</b>	<b>252.000.000</b>	<b>231.150.000</b>
<i>Thu nhập của Hội đồng quản trị</i>	<i>192.000.000</i>	<i>175.100.000</i>
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	48.000.000	48.000.000
Ông Phan Minh Sáng	36.000.000	36.000.000
Bà Bùi Thanh Hương	36.000.000	36.000.000
Bà Tường Thị Thu Hạnh	36.000.000	36.000.000
Ông Đỗ Thế Cao	36.000.000	19.100.000
<i>Thu nhập của Ban Kiểm soát</i>	<i>60.000.000</i>	<i>56.050.000</i>
Ông Nguyễn Anh Tuấn	16.266.667	-
Bà Ninh Thị Phương	7.733.333	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	18.000.000	18.000.000
Bà Trần Thị Minh Phương	18.000.000	9.550.000
Ông Phí Xuân Trường	-	4.500.000
<b>- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>	<b>854.887.030</b>	<b>926.275.296</b>
Ông Phan Minh Sáng	559.721.910	683.268.696
Ông Chu Thanh Quân	10.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Trang	285.165.120	243.006.600
	<b><u>1.106.887.030</u></b>	<b><u>1.157.425.296</u></b>

**32.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.



Chu Thanh Quân  
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Thị Trang  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Người lập biểu